

Số:

Đồng Nai, ngày tháng năm

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”;

Thực hiện Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Sở Tài chính ban hành Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

I. Tên văn bản quy phạm pháp luật:

Quyết định số 83/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

II. Hiệu lực thi hành: Ngày 05 tháng 10 năm 2026.

III. Sự cần thiết, mục đích ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

1. Sự cần thiết ban hành

Sau thời gian triển khai thực hiện Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã phát huy hiệu quả trong việc hỗ trợ người nghèo và các đối tượng chính sách tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi, góp phần thực hiện các mục tiêu giảm nghèo, an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

Tuy nhiên, thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai; Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản có liên quan, theo đó tổ chức bộ máy, tên gọi cơ quan, đơn vị hành chính các cấp có sự thay đổi. Do đó, một số nội dung quy định tại Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND cần được rà soát, điều chỉnh để phù hợp với mô hình tổ chức, yêu cầu quản lý và tình hình thực tế hiện nay.

Bên cạnh đó, thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố tại văn bản số 1486/UBND-KTNS ngày 25/5/2026 về việc điều chỉnh Quyết định số

57/2025/QĐ-UBND trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số 904/SNNMT-CCPTNT ngày 14/5/2026 về việc kiến nghị điều chỉnh Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND, theo đó nội dung văn bản đề nghị điều chỉnh: nội dung lĩnh vực thực hiện của Ban chỉ đạo; tỷ lệ phân bổ số tiền lãi thu được để hỗ trợ hoạt động công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia thành phố và bổ sung tỷ lệ phân bổ của Sở Nông nghiệp và Môi trường để bảo đảm phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

Đồng thời, trong quá trình triển khai thực hiện cho thấy cần bổ sung, điều chỉnh một số nội dung liên quan như: bổ sung đối tượng cho vay; lãi suất cho vay; gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn; bổ sung tỷ lệ phân bổ phí từ tiền lãi thu được của Ban đại diện NHCSXH cấp xã; thẩm quyền quyết định, xử lý rủi ro; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ theo các văn bản quy định mới nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

Do đó, việc ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND là thực sự cần thiết nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội, bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước và phù hợp tình hình thực tế tại địa phương trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục đích ban hành

Hoàn thiện cơ sở pháp lý, cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và mô hình tổ chức chính quyền địa phương sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, duy trì tính liên tục trong việc thực hiện cơ chế cho vay ủy thác, quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay bằng nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội.

Điều chỉnh, bổ sung các quy định liên quan đến đối tượng cho vay, lãi suất cho vay, tỷ lệ phân bổ từ tiền lãi thu được, xử lý rủi ro, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách.

Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới.

IV. Nội dung chủ yếu của văn bản quy phạm pháp luật:

1. Bố cục

Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 83/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026 của UBND thành phố gồm 11 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;
- Điều 2. Đối tượng áp dụng;
- Điều 3. Nguyên tắc cho vay;

- Điều 4. Cơ chế tạo lập nguồn vốn ủy thác cho vay;
- Điều 5. Cơ chế cho vay ủy thác;
- Điều 6. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ nhận ủy thác;
- Điều 7. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay bằng nguồn vốn ủy thác;
- Điều 8. Xử lý nợ bị rủi ro;
- Điều 9. Chế độ báo cáo;
- Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, đơn vị địa phương;
- Điều 11. Sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Nội dung chủ yếu của văn bản quy phạm pháp luật

Nội dung chủ yếu của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 83/2026/QĐ-UBND như sau:

“Điều 4. Cơ chế tạo lập nguồn vốn ủy thác cho vay

1. *Tạo lập nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.*

2. *Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác.*

3. *Tạo lập từ nguồn trích quỹ: Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa theo quy định, phần chênh lệch được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác cho vay.*

4. *Trường hợp do chính sách chế độ nhà nước thay đổi: Ngân sách thiếu nguồn hoặc không có nguồn tạo lập vốn cho vay ưu đãi hoặc lãi suất cho vay thấp không đủ bù đắp chi phí thì Sở Tài chính (đối với nguồn vốn ngân sách thành phố), phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã) xem xét báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.*

5. *Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.*

6. *Các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.*

Điều 5. Cơ chế cho vay ủy thác

1. *Cơ chế cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác được thực hiện theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg; Thông tư số 62/2016/TT-BTC; Thông tư số 11/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội có liên quan.*

2. *Cho vay các chương trình, đối tượng mang tính đặc thù của thành phố Đồng Nai: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (phòng giao dịch)*

và các cơ quan có liên quan thực hiện theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác với phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đồng Nai. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (phòng giao dịch) chủ trì phối hợp với Sở Tài chính (đối với nguồn vốn ngân sách thành phố), phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã) thực hiện lập và ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác theo quy định.

4. Đối tượng cho vay

- a) Chương trình cho vay hộ nghèo
- b) Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; cho vay giải quyết việc làm sau đào tạo nghề
- c) Chương trình cho vay về nhà ở xã hội
- d) Chương trình cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù
- đ) Chương trình cho vay người sau cai nghiện ma túy
- e) Chương trình cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.
- g) Chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; cho vay học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán
- h) Chương trình cho vay đối với người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương
- i) Các chương trình cho vay đồng bào dân tộc thiểu số; đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người lao động đi làm việc ở nước ngoài; hộ nghèo về nhà ở; cho vay phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn; thanh niên xung phong cơ sở miền nam; hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý và các chương trình cho vay thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố trong từng thời kỳ.
- k) Đối tượng thuộc các chương trình cho vay khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

5. Mục đích sử dụng vốn vay: Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và của cơ quan, người có thẩm quyền đối với từng chương trình vay phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế tại địa phương.

6. *Mức cho vay, thời hạn cho vay: Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và của cơ quan, người có thẩm quyền đối với từng chương trình cho vay phù hợp với thực tế tại địa phương.*

7. *Lãi suất cho vay: Áp dụng mức lãi suất cho vay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, của Hội đồng nhân dân thành phố và các quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với từng chương trình cho vay, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.*

Trường hợp Chính phủ hỗ trợ giảm lãi suất cho vay do thiên tai, dịch bệnh hoặc nguyên nhân khách quan khác thì lãi suất cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ được giảm tương ứng như mức giảm lãi suất cho vay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

8. *Quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, thu nợ, thu lãi tiền vay, kiểm tra sử dụng vốn vay: Thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ và các quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền đối với từng chương trình cho vay.*

9. *Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn*

a) *Về thẩm quyền gia hạn nợ: Giao Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét, quyết định theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.*

b) *Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.*

10. *Xử lý vi phạm vay vốn: Xử lý nghiêm người vay và người cho vay vốn có hành vi lợi dụng, tham ô, cố tình không trả nợ gốc, lãi hoặc sử dụng vốn không đúng mục đích. Những tổ chức, cá nhân vi phạm cơ chế cho vay sẽ tùy tính chất và mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật. Các trường hợp vay vốn bị rủi ro khách quan được xử lý theo quy định của Quy chế này.*

Điều 6. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ nhận uỷ thác

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn uỷ thác và dư nợ cho vay bằng nguồn vốn uỷ thác được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 7. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay bằng nguồn vốn uỷ thác

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (phòng giao dịch) quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

1. *Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, văn bản quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp tại*

thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (phòng giao dịch), mức trích là 60% số tiền lãi thu được. Trường hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (phòng giao dịch) nơi nhận ủy thác.

3. Trích phí chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (phòng giao dịch). Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được.

4. Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

5. Nguyên tắc, nội dung, mức chi và thẩm quyền phê duyệt để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (đối với nguồn vốn ngân sách thành phố), Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp xã (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã), hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương quy định tại khoản 3 Điều này (sau đây gọi là: nguồn kinh phí hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp).

Điều 8. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội do Hội đồng nhân dân thành phố quy định.

2. Thẩm quyền xem xét, xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý nợ bị rủi ro

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro

a) Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (phòng giao dịch) trích lập theo quy định hiện hành đối với cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới

thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

b) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, Sở Tài chính chủ trì phối hợp các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định bổ sung từ ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước chuyển qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (phòng giao dịch).

c) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, phần chênh lệch được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

5. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro tại địa phương đã trích lập từ cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố tiếp tục quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 9. Chế độ báo cáo

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (phòng giao dịch): Định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất, báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính (đối với nguồn vốn ngân sách cấp thành phố), Phòng giao dịch thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố gửi Ủy ban nhân dân cấp xã và Phòng kinh tế hoặc Phòng kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã).

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, đơn vị địa phương

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

2. Trách nhiệm các sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Công an thành phố, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (phòng giao dịch)

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

6. Trách nhiệm của người vay”

Trên đây là nội dung Thông cáo báo chí Quyết định số 83/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đồng Nai, do Sở Tài chính chủ trì soạn thảo./.

(Đính kèm Quyết định số 83/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đồng Nai)

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân thành phố (báo cáo);
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố;
- Trang Thông tin điện tử Sở Tài chính (đăng tải);
- Lưu: VT, NSNN.

(HoànTTL-NhungNTH)

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Anh Tú